

Bản án số: 98/2022/HC-ST

Ngày 16 tháng 9 năm 2022

“V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huồn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Trinh và bà Huỳnh Ánh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trang, là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bắc - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 16/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm vụ án Hành chính thụ lý số: 30/2022/TLST-HC ngày 21/3/2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HC ngày 19/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 159/QĐST-HC ngày 18/8/2022, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Dương Tấn L, sinh năm 1942 - Có mặt

Địa chỉ: Số 06 đường V, phường A, thành phố T, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc N - Có mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 26/5/2022).

Địa chỉ: Số 57 đường A5, thôn 1, xã E, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk.

Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh L, Chủ tịch UBND tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn Cảnh - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh L - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2022).

2. Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch UBND thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố T - Vắng mặt (theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh L và Chủ tịch UBND tỉnh L: Ông Trần Văn Sỹ, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L và ông Nguyễn Anh Tuấn, Trưởng Phòng Kế Hoạch - Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L - Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T: Ông Phạm Văn T - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn C - Giám đốc: Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/02/2022 và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Dương Tấn L trình bày: Quyền sử dụng đất, đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 15, diện tích 59,2m² tại Số 06 đường V, phường A, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk và căn nhà trên đất, thuộc quyền sở hữu của ông, được Sở xây dựng tỉnh L cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho ông tại giấy chứng nhận số: 182/CN-SXD ngày 24/6/1995; Ngày 08/4/1998, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 356/QĐ-UB về việc thu hồi thửa đất nêu trên của ông để mở rộng Trung tâm văn hoá tỉnh L; Ngày 08/12/1995, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 1717/QĐ-UB về giá đền bù đất và nhà ở, đối với các hộ gia đình bị thu hồi quyền sử dụng đất; Ngày 02/4/1999, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 687/1999/QĐ-UB về việc sửa đổi Quyết định số: 1717/QĐ-UB để bồi thường cho ông đối với thửa đất bị thu hồi là 92.467.200đ; Không đồng ý với khoản tiền bồi thường nêu trên, ông làm đơn khiếu nại; Ngày 13/7/2001, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 1999/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông; Ông tiếp tục làm đơn khiếu nại đến UBND thành phố T; Ngày 03/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Văn bản số: 4899/UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn khiếu nại của ông và cho rằng Quyết định số: 1999/QĐ-UB của Chủ tịch UBND tỉnh L là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng, nên ông không được quyền khiếu nại tiếp; Ngày 24/6/2021, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành văn bản số: 5629/UBND yêu cầu Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh L, chi trả tiền bồi thường cho ông theo Quyết định số: 687/1999/QĐ-UB là không đúng với quy định của pháp luật; Hiện nay, UBND tỉnh L vẫn chưa bồi thường cho ông đối với thửa đất bị thu hồi.

Ngày 25/8/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số: 6160/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, để xây dựng và chỉnh trang khu trung tâm văn hoá tỉnh L; Ông được giao đất tái định cư là thửa đất số 34, tờ bản đồ Độc lập, phải nộp tiền sử dụng đất cho nhà nước là 2.288.000.000đ.

Thông báo số: 110/TB-TTPTQĐ ngày 02/11/2021 và thông báo số: 116/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, yêu cầu ông đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, để nhận tiền bồi thường nhà và đất bị thu hồi là 133.116.695đ. Như vậy, UBND thành phố T và UBND tỉnh L chưa bồi thường cho ông đối với thửa đất và nhà ở bị thu hồi.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án huỷ: Quyết định số: 1717/QĐ-UB ngày 08/12/1995 của UBND tỉnh L; Quyết định số: 687/1999/QĐ-UB ngày 02/4/1999 của UBND tỉnh L; Quyết định số: 1999/QĐ-UB ngày 13/7/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh L; Quyết định số: 6160/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố T; Huỷ Văn bản số: 4899/UBND-TTPTQĐ ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T; huỷ Thông báo số: 110/TB-TTPTQĐ ngày 02/11/2021 và thông báo số: 116/TB-TTPTQĐ của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T;

Buộc UBND thành phố T phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho ông đối với thửa đất bị thu hồi.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND tỉnh L và Chủ tịch UBND trình bày: Ngày 08/12/1995, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 1717/QĐ-UB quy định về giá đền bù cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi để xây dựng công trình Trung tâm văn hoá tỉnh L; Ngày 02/4/1999, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 687/QĐ-UB về việc sửa đổi Quyết định số: 1717/QĐ-UB; hai Quyết định nêu trên, được ban hành theo đúng quy định của Luật đất đai năm 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Theo Quyết định số: 1717/QĐ-UB, ông L được bồi thường nhà ở và đất là 82.966.790đ; Theo Quyết định số: 687/QĐ-UB, ông L được bồi thường nhà ở và đất 92.467.200đ; Không đồng ý với khoản tiền bồi thường nêu trên, ông L làm đơn khiếu nại; Ngày 13/7/2001, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 1999/QĐ-UB giải quyết đơn khiếu nại của ông L và không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông L; Theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính, việc ông L khiếu kiện các quyết định nêu trên, là đã hết thời hiệu khởi kiện, đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện của ông L.

Quá trình tham gia giải quyết vụ án, người bị kiện là UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T trình bày: Ngày 08/4/1998, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 536/QĐ-UB về việc thu hồi 47,5m² đất của ông Dương Tấn L, tại số 01B đường Hùng Vương, thành phố T, tỉnh Đắk Lắk, để xây dựng công trình Trung tâm văn hoá tỉnh L; Ngày 08/12/1995, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 1717/QĐ-UB quy định về giá đền bù cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi để xây dựng công trình Trung tâm văn hoá tỉnh L; Ngày 02/4/1999, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 687/QĐ-UB về việc sửa đổi Quyết định số: 1717/QĐ-UB; Các quyết định nêu trên, hiện nay vẫn còn hiệu lực thi hành; Trong thời gian từ ngày 02/11/2021 đến ngày 16/11/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T 03 lần thông báo yêu cầu ông L đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 133.166.695đ nhưng ông L không đến nhận tiền; Ngày 25/8/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số: 6160/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, để xây dựng công trình Trung tâm văn hoá tỉnh L; Ông L được giao đất tái định cư, đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ Độc Lập; ông L phải nộp tiền sử dụng đất là 2.288.000.000đ; Ông L khiếu nại, nên ngày 03/11/2021, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Văn bản số: 4899/UBND-TTPTQĐ trả lời đơn khiếu nại của ông L và không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông L; Việc ông L khởi kiện là không có căn cứ, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khiếu kiện của ông L.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh L cho rằng Thẩm phán và Hội đồng xét xử, đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tổ tụng hành chính, trong quá trình giải quyết vụ án; Xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn L, VKSND tỉnh L xét thấy: Trong thời gian từ năm 1998 đến năm 1999, UBND tỉnh L đã ban hành Quyết định thu hồi đất của ông L và Quyết định bồi thường về nhà ở và đất bị thu hồi nhưng đến nay UBND tỉnh L chưa tiến hành thu hồi đất, chưa chi trả tiền bồi thường cho ông L; Việc bồi thường chậm là do UBND tỉnh L và các cơ quan liên

quan có trách nhiệm bồi thường gây ra, thì phải bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số: 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, huỷ Quyết định số: 1717/QĐ-UB ngày 08/12/1995 và Quyết định số: 687/QĐ-UB ngày 02/4/1998 của UBND tỉnh Đắk Lắk; huỷ Quyết định số: 1999/QĐ-UB ngày 13/7/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh L; huỷ Công văn số: 4899/UBND-TTPTQĐ ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T; buộc UBND thành phố T, phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông L đối với diện tích đất bị thu hồi, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, người khởi không rút đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn L về việc huỷ Quyết định số: 1717/QĐ-UB ngày 08/12/1995 và Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 02/4/1999, của UBND tỉnh L, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi UBND tỉnh L ban hành 02 quyết định nêu trên, ông Dương Tấn L đã biết và làm đơn khiếu nại; Ngày 13/7/2001, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định số: 1999/QĐ-UB về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L và không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông L; Sau khi nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, trong thời hạn 01 năm ông L không khởi kiện vụ án hành chính; Ngày 11/02/2022, ông L khởi kiện vụ án hành chính đối với 03 quyết định nêu trên, là đã hết thời hiệu khởi kiện, được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông L về 03 quyết định hành chính nêu trên.

[3] Tuy nhiên, xét thấy sau khi UBND tỉnh L ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường đối với thửa đất của ông L bị thu hồi, UBND tỉnh L không tiến hành thu hồi đất, không chi trả tiền bồi thường cho ông L; Ngày 19/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Văn bản số: 1467/UBND-TNMT, Giao cho UBND thành phố T, phối hợp với Sở Văn hoá, thể thao & Du lịch, Sở Tài chính, rà soát lại số tiền đã được UBND tỉnh L phê duyệt nhưng chưa chi trả cho 03 hộ gia đình có đất bị thu hồi (trong đó có ông L) và đề xuất việc xử lý chi trả tiền bồi thường. Như vậy, việc bồi thường chậm là do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra, mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi, thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ.

Trong thời gian từ ngày 02/11/2021 đến ngày 16/11/2021, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T, 03 lần thông báo yêu cầu ông L đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là 133.166.695đ, theo giá đất tại thời điểm năm 1999 là trái với quy định của pháp luật, gây thiệt hại cho ông L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy,

cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, huỷ Thông báo số: 110/TB-TTPTQĐ ngày 02/11/2021 và Thông báo số: 116/TB-TTPTQĐ ngày 09/11/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T; Huỷ một phần Văn bản số: 4899/UBND-TTPTQĐ ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T về giá đất bồi thường, hỗ trợ cho ông L; Buộc UBND thành phố T phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông L đối với diện tích đất bị thu hồi, theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông L về việc huỷ Quyết định số: 6160/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố T, Hội đồng xét xử xét thấy: Thực hiện theo sự chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh L về việc bố trí đất tại định cư cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi, để xây dựng công trình Trung tâm văn hoá tỉnh L; Ngày 25/8/2021, UBND thành phố T ban hành Quyết định số: 6160/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư đối với các hộ gia đình có đất bị thu hồi; Ông L được giao đất tái định cư là thửa đất số 34, tờ bản đồ Độc Lập, tại khu tái định cư đường Đinh Tiên Hoàng, phường A, thành phố T; Giá đất để thu tiền sử dụng đất đối với thửa đất số 34 là 28.600.000đ/m², theo Quyết định số: 924/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh L, là phù hợp với quy định của pháp luật, được quy định tại khoản 3 Điều 108 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, cần bác yêu cầu khởi kiện của L về việc huỷ Quyết định số: 6160/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố T.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn L được Tòa án chấp nhận một phần, nên Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ; khoản 3 Điều 108 Luật Đất Đai năm 2013; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Dương Tấn L;

1. Huỷ Thông báo số: 110/TB-TTPTQĐ ngày 02/11/2021 và Thông báo số: 116/TB-TTPTQĐ ngày 09/11/2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T; Huỷ một phần Văn bản số: 4899/UBND-TTPTQĐ ngày 03/11/2021 của Chủ tịch UBND thành phố T về giá đất bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Tấn L.

2. Buộc UBND thành phố T phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Dương Tấn L đối với diện tích đất bị thu hồi, theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường.

3. Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng Hành chính: Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Tấn L về việc: Huỷ Quyết định số: 1717/QĐ-UB ngày 08/12/1995 và Quyết định số: 687/QĐ-UB ngày 02/4/1999, của UBND tỉnh L; Quyết định số: 1999/QĐ-UB ngày 13/7/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh L.

4. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố T phải chịu 300.000đ tiền án phí hành chính sơ thẩm; Ông Dương Tấn L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Báo cho người khởi kiện biết, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huồn

